

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH L ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 05-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH L ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.
Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Hoàng Hồng Giang – Bà Nguyễn Thị Trung Lan.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải, là Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Đ, tỉnh L Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 đối với:

*** Bị cáo Phan Văn N, sinh ngày: 24/7/2001. Tại: L Đồng.**

Nơi cư trú: Thôn 8, xã A, huyện Đ, tỉnh L Đồng.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam;
Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phan Văn H, sinh năm 1978 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972 (Đã chết).

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/10/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh L Đồng. “Có mặt”.

*** Người bị hại:**

Anh La Văn L, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn 5B, xã A, huyện Đ, tỉnh L Đồng. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh La Văn Đ1, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn 5B, xã A, huyện Đ, tỉnh L Đồng. “Có mặt”.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh La Văn Đ1, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn 5B, xã A, huyện Đ, tỉnh L Đồng.

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Lý Cao S, sinh năm: 2005.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L Đồng. “Vắng mặt không có lý do”.

- **Người giám hộ cho Lý Cao S là:** Anh Lý Văn P, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L Đồng. “Vắng mặt không có lý do”.

2/ Chị Phan Thị H1, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L Đồng.

3/ Anh Lý Văn P, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L Đồng. “Vắng mặt không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sau khi chơi Game đến khoảng 17 giờ ngày 03/8/2019, Phan Văn N nghỉ chơi và điều khiển xe đạp đi về hướng Tổ dân phố 4 để tìm nhà nào có tài sản sơ hở để trộm cắp, nhưng không thấy nên N đi về nhà. Khi đi về qua Tổ dân phố 10, thị trấn Đ, huyện Đ, thì thấy Lý Cao S, sinh ngày 01/7/2005, trú tại Tổ dân phố 8A, thị trấn Đ, huyện Đ cùng T1 đang câu cá nên đứng lại chơi rồi cùng về nhà của T1. Sau đó, N rủ S đi trộm cắp gà để bán lấy tiền chơi Game, S đồng ý. S lấy xe máy rồi điều khiển xe chở N đi tìm nhà dân để trộm cắp gà, nhưng không trộm cắp được. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đi qua quán Internet Q, ở Tổ dân phố 6B, thị trấn Đ, thì N nhìn thấy trước cửa quán, có dựng 03 chiếc xe máy và không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định vào trộm cắp. Sau đó, N và S dựng xe máy trên đường bê tông cách quán Internet Q khoảng 40m rồi cả hai đi bộ đến phía trước quán Internet, N nói S đi vào kiểm tra 03 chiếc xe máy, S vào kiểm tra xong và ra nói với N trong 03 chiếc xe có 01 chiếc xe có yếm khóa cổ, 02 chiếc còn lại thì không. Lúc này, S đứng trên đường bê tông cảnh giới còn N đi vào lấy trộm một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 11Z2 – 3420, không có búng dắt ra ngoài đường. N ngồi lên xe mới trộm cắp được để S đẩy về nhà của N ở Thôn 8, xã A, huyện Đ. Sau đó, N tháo biển số xe, mặt nạ xe, gương xe, ốp đèn xe phía sau, xé tem xe rồi vứt xuống suối phía sau nhà nhằm thay đổi đặc điểm của xe để không bị phát hiện. Đến tối ngày 05/8/2019, Phan Văn N dắt chiếc xe máy đã trộm cắp đi thay khoá điện và mang xe đi bán nhưng không được do xe không có giấy tờ nên N để lại sử dụng làm phương tiện đi lại. Quá trình sử dụng, N bị té xe rơi xuống mương nước và bị hư hỏng không hoạt động được nên N đem về giấu sau nhà của mình. Đến ngày 07/9/2019, Công an thị trấn Đ đã triệu tập N lên làm việc và N đã thừa nhận cùng với Lý Cao S thực hiện hành vi trộm cắp và giao nộp chiếc xe.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSĐT ngày 09 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh L Đồng đã truy tố bị cáo Phan Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 09 (*Chín*) tháng đến 12 (*Mười hai*) tháng tù.

Không đề nghị hình phạt bổ sung là hình (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo Phan Văn N bồi thường cho anh La Văn Đ1 số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát N dân huyện Đ. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo Phan Văn N nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi bị cáo thực hiện là sai trái, xin lỗi gia đình người bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo về làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo không có ý kiến gì thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ và được chứng minh bằng: Theo kết quả Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, số máy 241266, số khung 241257 trị giá là 5.400.000đ. Đối chiếu các chứng cứ, tài liệu đã thu thập phản ánh trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật đã có đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Phan Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình P được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 23 giờ ngày 03/8/2019, khi Phan Văn N và Lý Cao S đi ngang qua quán Internet Q ở TDP 6B, thị trấn Đ thì N nhìn thấy phía trước quán Internet, có dựng 03 chiếc xe máy không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định vào trộm cắp. Sau đó, S đứng ngoài cảnh giới để N vào trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, số máy 241266, số khung 241257 của anh La Văn L trị giá là 5.400.000 đồng. Đây là vụ án trộm cắp tài sản do bị can Phan Văn N trực tiếp thực hiện. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về hình P: Bị cáo Phan Văn N là thanh niên trẻ, có sức khỏe, nhưng ham chơi, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá N nên đã lao vào con đường phạm tội.

Cho thấy bị cáo cũng rất coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác. Vì vậy, cần có một bản án tương xứng đối với hành vi của bị cáo. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, vừa để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục bị cáo thành người hữu ích cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét, chiếu cố cho bị cáo vì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo N thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này, còn có Lý Cao S là người đã thực hiện hành vi trộm cắp xe máy cùng Phan Văn N. Tuy nhiên, Lý Cao S, sinh ngày 01/7/2005 cho đến ngày 03/8/2019 thực hiện hành vi phạm tội thì S chỉ mới 14 tuổi 32 ngày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS 2015 thì S chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tách hành vi của S để xử lý hành chính theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh La Văn Đ1 yêu cầu bị cáo Phan Văn N phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là số tiền anh Đ1 đã bỏ ra sửa xe là phù hợp Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, số máy 241266, số khung 241257, không có biển kiểm soát. Qua điều tra, xác minh và ủy thác cho Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng về nguồn gốc chiếc xe máy và làm việc với chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe máy nêu trên xác định. Chiếc xe trên là của ông Triệu Chòi C, sinh năm 1974, trú tại xóm N1, xã C1, B, tỉnh Cao Bằng. Vào khoảng thời gian năm 2013 hoặc 2014, ông C đã bán chiếc xe trên cho người tên N1 không rõ nhân thân, lai lịch ở đâu. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ xác định chiếc xe nêu trên là của anh La Văn Đ1 mua lại của người khác. Đồng thời, anh Đ1 đã có đơn trình bày gia đình khó khăn, chiếc xe trên là phương tiện chính của gia đình nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định pháp luật.

- Đối với chiếc xe máy, biển kiểm soát 60B9 – 023.10, Lý Cao S đã chở N đi trộm cắp xe máy. Qua xác minh, chiếc xe trên là của chị Hứa Thị T1 (mẹ ruột của S) để lại cho anh P sử dụng. Vào ngày 03/8/2019, S lấy xe chở N đi trộm cắp thì anh P không biết, S cũng không nói cho anh P biết lấy xe đi đâu, làm gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ không thu giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60B9 – 023.10.

Hội đồng xét xử thấy vậy là phù hợp nên không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Phan Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử P bị cáo Phan Văn N 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/10/2019 (ngày bị bắt tạm giam).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phan Văn N phải bồi thường cho anh La Văn Đ1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

[3] Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của BLTTHS. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Tiến Dũng

